

## **Chính sách của Đảng và Nhà nước về chức năng sinh sản của gia đình từ năm 1986 đến nay**

**Phạm Quốc Nhật**

Vụ Gia đình, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du Lịch

**Tóm tắt:** Bài viết tổng quan và phân tích các chính sách của Đảng và Nhà nước liên quan đến chức năng sinh sản của gia đình từ năm 1986 đến nay. Kết quả cho thấy việc chuyển hướng từ mục tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình sang dân số phát triển là hướng đi kịp thời của Đảng và Nhà nước trong quản lý và điều hành chính sách nhằm hỗ trợ gia đình thực hiện chức năng sinh sản. Tuy nhiên, cũng cần có những giải pháp đồng bộ, trong đó cân nhắc việc gắn các vấn đề dân số, trẻ em, bình đẳng giới và gia đình thành một thể thống nhất để gia đình phát huy được đầy đủ chức năng, đóng góp cho sự ổn định và phát triển của xã hội<sup>(1)</sup>.

**Từ khóa:** Dân số; Kế hoạch hóa gia đình; Gia đình.

Ngày nhận bài: 2/2/2018; ngày chỉnh sửa: 5/3/2018; ngày duyệt

Đảng và Nhà nước ta luôn nhất quán quan điểm chỉ đạo khẳng định “Gia đình là tế bào của xã hội, có vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, con người mới” (Ban chấp hành Trung ương khóa VI, 1986). Điều này cho thấy, gia đình không chỉ là “tế bào” tự nhiên mà còn là một đơn vị kinh tế của xã hội. Gia đình là môi trường quan trọng, trực tiếp giáo dục nếp sống, hình thành nhân cách con

người. Gia đình cũng giữ vai trò đặc biệt quan trọng tới số lượng, chất lượng dân số và cơ cấu dân cư của quốc gia (Trần Văn Toàn, 2015). Như vậy, nói đến gia đình là nói đến vị trí, vai trò, nói đến chức năng của gia đình. Hiện nay, có nhiều cách chia chức năng gia đình, trong đó cách chia phổ biến hiện nay theo 4 chức năng chính gồm: chức năng sinh sản; chức năng kinh tế; chức năng chăm sóc, giáo dục; chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm lý, tình cảm.

Trong bối cảnh kinh tế, văn hóa, xã hội hiện nay, đặc biệt với sự phát triển mạnh của khoa học và công nghệ, các chức năng của gia đình đã và đang chịu những tác động mạnh mẽ. Sự thay đổi dễ nhận biết nhất chính là về chức năng sinh sản. Thành tựu của khoa học công nghệ ứng dụng trong lĩnh vực y học đã và đang làm thay đổi về tư duy và phương thức sinh sản của các gia đình. Phương thức sinh sản truyền thống thông qua quan hệ vợ chồng không còn là cách duy nhất. Bên cạnh đó, hiện tượng kết hôn đồng giới, sinh con không cần kết hôn (làm mẹ đơn thân), kết hôn nhưng không sinh con, v.v. ở một bộ phận giới trẻ đang đặt ra những thách thức đối với Đảng và Nhà nước trong định hướng và triển khai chính sách xây dựng gia đình thực sự là tổ ấm của mỗi người, một tế bào lành mạnh của xã hội.

### **1. Chính sách của Đảng và Nhà nước về chức năng sinh sản của gia đình giai đoạn 1986-1999**

Giai đoạn 1986 đến 1999 là giai đoạn bùng nổ dân số, tốc độ tăng dân số tự nhiên ở mức cao và có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống kinh tế - xã hội. Do vậy, chính sách của Đảng và Nhà nước giai đoạn này tập trung hướng tới mục tiêu kiểm soát sự gia tăng dân số tự nhiên thông qua kiểm soát số con và số lần sinh của mỗi cặp vợ chồng. Theo đó, mục tiêu cần đạt được trong giai đoạn này là “Phấn đấu hạ tỷ lệ phát triển dân số đến năm 1990 xuống 1,7%” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1986). Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng, ngày 18 tháng 10 năm 1988, Hội đồng Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 162/HĐBT quyết định về một số chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Theo đó, Hội đồng Bộ trưởng đưa ra những quy định cụ thể như: quy định đối tượng và vùng dân cư được sinh tối đa là hai hoặc ba con; những trường hợp chỉ được sinh một con và trường hợp sinh quá số con nhưng không coi là quá quy định chính sách dân số (Hội đồng Bộ trưởng, 1988, Điều 2). Ngoài xác định rõ đối tượng và số con mà mỗi cặp vợ chồng được phép sinh, Hội đồng Bộ trưởng còn quy định về độ tuổi sinh sản, số lần sinh và khoảng cách mỗi lần sinh của các cặp vợ chồng (Hội đồng Bộ trưởng, 1988: Điều 3). Hướng dẫn cụ thể hơn những chính sách có liên quan đến việc giới hạn số con và số lần sinh của mỗi cặp vợ chồng, Bộ Xây dựng đã ban hành Thông tư số 39-BXD/XDCB/ĐT ngày 28 tháng 02 năm 1989 hướng dẫn thi hành Quyết định số 162/HĐBT ngày 18 tháng 10 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Thông tư này hướng dẫn về tiêu chuẩn cấp đất làm nhà và phân phối nhà ở; về giá tiền thuê đất,

thuê nhà ở nhằm khuyến khích gia đình sinh ít con. Cụ thể, với tiêu chuẩn cấp đất làm nhà và phân phối nhà ở, những gia đình không có con hoặc chỉ có một con cũng được hưởng tiêu chuẩn như gia đình hai con; gia đình có ba con trở lên chỉ được hưởng tiêu chuẩn như gia đình hai con trừ trường hợp gia đình không vượt quá số con quy định tại Quyết định số 162/HĐBT. Đối với tiêu chuẩn về giá tiền thuê đất, thuê nhà ở, Thông tư 39-BXD/XDCB/ĐT nêu rõ, gia đình có số con quá quy định (kể cả số con đã sinh từ trước) phải trả tiền thuê nhà, thuê đất theo giá cao trên diện tích xin cấp thêm cho số con vượt quá tiêu chuẩn quy định” (Bộ Xây dựng, 1989).

Tiếp tục khẳng định quan điểm chỉ đạo là cần phải kiểm soát số con trong mỗi gia đình, ngày 14 tháng 01 năm 1993, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HNTW về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Đánh giá những kết quả đạt được, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII cho biết, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh sản từ trên 6 con vào những năm 1960 xuống còn khoảng 4 con vào năm 1993. Mặc dù số con trong gia đình đã giảm khá mạnh, song số con trung bình của mỗi phụ nữ là 4 thì đây thực sự là một thách thức không nhỏ trong xây dựng và triển khai chính sách. Cụ thể là, nếu tỷ lệ tăng dân số tự nhiên hàng năm trên 2% thì cứ khoảng 30 năm dân số Việt Nam sẽ tăng lên gấp đôi. Vì vậy, Đảng và Nhà nước cần phải “có chính sách mang lại lợi ích trực tiếp cho người chấp nhận gia đình ít con, tạo động lực thúc đẩy phong trào quần chúng thực hiện kế hoạch hóa gia đình” hướng đến mục tiêu là “mỗi gia đình chỉ có một hoặc hai con, để tới năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình (mỗi cặp vợ chồng) có 2 con, tiến tới ổn định quy mô dân số” (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, 1993). Trên cơ sở định hướng đường lối về chính sách gia đình ít con, Đảng tiếp tục định hướng Nhà nước ban hành chính sách như: chính sách khuyến khích về tinh thần và vật chất với những cặp vợ chồng tích cực thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình và những người vận động thực hiện và làm dịch vụ kế hoạch hóa gia đình; có biện pháp hành chính với những đảng viên, viên chức nhà nước không thi hành chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; xây dựng những quy ước cụ thể xử lý đối với những trường hợp sinh con thứ ba trở lên; sản xuất và nhập khẩu các phương tiện kế hoạch hóa gia đình tiên tiến; bảo hộ các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình sản xuất trong nước có chất lượng cao, khuyến khích xuất khẩu các mặt hàng đó, miễn thuế nhập khẩu đồng thời nghiêm cấm tái xuất các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình; trợ giá đối với các mặt hàng kế hoạch hóa gia đình bán rộng rãi với giá rẻ trên thị trường; xây dựng cơ chế đầu tư, huy động và quản lý có hiệu quả các nguồn lực cho chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình; xây dựng các chính sách cụ thể về bảo vệ và phát triển một số dân tộc ít người đang có chiều hướng suy giảm dân số; sửa đổi và ban hành một số chính sách kinh tế - xã hội nhằm hỗ trợ cho công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, bao gồm cải thiện chế độ dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em,

giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em sơ sinh, tạo công ăn việc làm, phân bổ dân cư hợp lý, xóa nạn mù chữ, nâng cao dân trí, mở rộng các thiết chế văn hóa, phát triển nông thôn, bảo hiểm sức khỏe và tuổi già (Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, 1993). Chiến lược phát triển kinh tế xã hội từ năm 1996 đến năm 2000 của Đại hội Đảng khóa VIII tiếp tục khẳng định tốc độ gia tăng dân số vẫn ở mức cao, do vậy, Chiến lược giai đoạn này đặt mục tiêu “Giảm nhịp độ phát triển dân số xuống dưới 1,8% vào năm 2000” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 1996).

Có thể nói, chính sách của Đảng và Nhà nước giai đoạn này tập trung kiểm soát số con trong gia đình thông qua cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình kết hợp đồng bộ những biện pháp thưởng, phạt nhằm khuyến khích và răn đe những cá nhân, gia đình vi phạm chính sách sinh sản của Đảng và Nhà nước.

## **2. Chính sách của Đảng và Nhà nước về chức năng sinh sản của gia đình giai đoạn 2000 đến 2010**

Những thành tựu về chính sách sinh sản có kế hoạch trong giai đoạn trước năm 2000 được cộng đồng thế giới ghi nhận và đánh giá cao. Áp lực gia tăng dân số đã giảm, song vẫn còn tiềm ẩn nhiều nguy cơ bùng phát. Vì vậy, quan điểm chỉ đạo, chính sách của Đảng và Nhà nước giai đoạn này vẫn tiếp tục hướng đến giới hạn số lần sinh, khoảng cách sinh con của mỗi cặp vợ chồng. Năm 2000, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2001 đến năm 2010 nhằm hướng đến mục tiêu “Thực hiện gia đình ít con, khoẻ mạnh, tiến tới ổn định quy mô dân số ở mức hợp lý để có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Nâng cao chất lượng dân số, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá, góp phần vào sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước” (Thủ tướng Chính phủ, 2000). Bên cạnh những chính sách cụ thể, Nhà nước còn thể chế hóa một số quy định về sinh sản của mỗi gia đình thành văn bản quy phạm pháp luật. Theo đó, Pháp lệnh dân số 2003 nhấn mạnh đến những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng nguồn lực lao động thông qua biện pháp hỗ trợ gia đình nâng cao chất lượng sinh sản. Ngoài ra, Pháp lệnh dân số còn gắn chức năng sinh sản của gia đình với các chức năng khác nhằm hướng đến mục tiêu xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững (Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 11, 2003).

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị nêu rõ chỉ đạo “Tiếp tục quán triệt và kiên quyết thực hiện các cơ bản của Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình; phấn đấu sớm đạt được mục tiêu về ổn định quy mô dân số, đồng thời từng bước nâng cao chất lượng dân số Việt Nam. Toàn Đảng, toàn dân kiên trì thực hiện chủ trương mỗi cặp vợ chồng chỉ có một đến hai con để có điều kiện nuôi dạy tốt. Cán

bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình” (Bộ Chính trị, 2005). Có thể nói, bằng việc huy động cả hệ thống chính trị - xã hội vào cuộc nhằm kiểm soát quy mô dân số thông qua kiểm soát số con và số lần sinh của các cặp vợ chồng, Việt Nam đã đạt được mức sinh thay thế sớm hơn gần 10 năm so với mục tiêu<sup>(2)</sup>. Theo đó, số con trung bình của một phụ nữ trong độ tuổi sinh sản giảm mạnh từ 3,7 con vào năm 1992 xuống 2,1 con vào năm 2006 (Thế Nguyễn, 2017).

Như vậy, giai đoạn 2000 đến 2010, Đảng và Nhà nước vẫn tiếp tục nhất quán quan điểm chỉ đạo và duy trì chính sách gia đình ít con để có điều kiện nuôi dạy tốt. Bên cạnh đó, Đảng và Nhà nước cũng quan tâm đến những định hướng chỉ đạo nhằm nâng cao chất lượng sinh sản thông qua các chính sách hỗ trợ sinh sản, gắn trách nhiệm sinh sản của các cặp vợ chồng với thực hiện những chức năng khác của gia đình.

### **3. Chính sách của Đảng và Nhà nước về chức năng sinh sản của gia đình giai đoạn 2011 đến nay**

Trên bình diện chung, giai đoạn này về cơ bản tỷ lệ sinh tự nhiên đã đạt về ngưỡng ổn định. Song xét theo từng địa bàn cụ thể, tỷ lệ sinh của các cặp vợ chồng đang theo hai hướng tăng giảm khác nhau. Thống kê của Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình cho biết “trong khi thành phố Hồ Chí Minh và khu vực Đông - Tây Nam bộ giảm sinh đến mức những năm qua không cần đặt chỉ tiêu giảm sinh, thì đồng bằng sông Hồng (trong đó có cả Hà Nội), miền núi phía Bắc, Tây nguyên vẫn đang ở mức sinh cao” (Lan Anh, 2013). Điều đáng chú ý, trong số những cặp vợ chồng sinh quá số con quy định có cả đảng viên. Để tránh trách nhiệm, một số trường hợp đã “phù phép để biến con đẻ thành con nuôi”. Trước thực trạng trên, Ban Chấp hành Trung ương đã đưa ra những biện pháp xử lý đảng viên vi phạm chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Quy định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm nêu rõ: đảng viên sinh con thứ ba (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức khiển trách; sinh con thứ tư (trừ những trường hợp pháp luật có quy định khác) thì kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ); sinh con thứ năm trở lên thì kỷ luật bằng hình thức khai trừ (Ban Chấp hành Trung ương, 2013). Ngoài ra, Quy định số 181-QĐ/TW còn đưa ra biện pháp xử lý đối với những đảng viên gian dối trong việc cho con đẻ hoặc nhận nuôi con nuôi mà thực chất là con đẻ nhằm cố tình sinh thêm con ngoài quy định (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

Trước những sức ép về số con kết hợp với tâm lý thích con trai và sự hỗ trợ của khoa học - công nghệ, không ít cặp vợ chồng đã lựa chọn giới tính thai nhi. Việc lựa chọn giới tính thai nhi đã phá vỡ cân bằng giới khi sinh, điển hình là những tỉnh/thành thuộc khu vực đồng bằng sông Hồng. Mất cân bằng giới tính khi sinh đã đưa Việt Nam đến nguy cơ hàng triệu nam giới không có khả năng lấy được vợ và điều này đã trở thành chủ đề

nóng trong các phiên họp của Quốc hội vào năm 2017. “Năm 2006 tỷ số này là 109/100 và tăng lên rất nhanh. Năm 2013 là 113,8/100 và ước thực hiện năm 2017 là 113/100. Số tỉnh, thành phố có tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh cũng tăng nhanh. Năm 2009 là 45/63 thì đến năm 2015 là 55/63 tỉnh” (Minh Phong, 2017).

Giai đoạn 2011 đến nay đã ghi nhận những trường hợp kết hôn đồng giới tại Việt Nam. Tiếp theo là những ý kiến mong muốn thay đổi chính sách để công nhận tính hợp pháp của hôn nhân đồng giới. “Khá nhiều ý kiến mong muốn thừa nhận quan hệ đồng giới. Theo khảo sát của Vnexpress trong tháng 8 năm 2013, có 1.388/1.732 người (chiếm 80,14%) đề nghị thừa nhận và có 344/1.732 người (chiếm 19,86%) không đồng ý thừa nhận; Một số cặp đã tổ chức lễ cưới đồng tính như: đồng tính nữ (tháng 12 năm 2010, Hà Nội); đồng tính nam (tháng 6 năm 2011, TP. Hồ Chí Minh); đồng tính nữ (năm 2012, Cà Mau); đồng tính nam (tháng 5 năm 2012, Kiên Giang); đồng tính nữ (tháng 7 năm 2012, Bình Dương)” (Trương Hồng Quang, 2014). Vấn đề hôn nhân đồng giới cũng đã được đưa vào chương trình nghị sự của Quốc hội trong quá trình xây dựng và thông qua Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và mặc dù chưa được thừa nhận trong luật này, đã có nhiều quy định mở hơn so với Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Đánh giá về lý do thời điểm hiện tại chưa phù hợp để thừa nhận hôn nhân đồng giới, nghiên cứu của Trương Hồng Quang, Viện Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp cho rằng “Hầu hết các quan điểm ở Việt Nam hiện nay đều lo ngại thừa nhận hôn nhân cùng giới sẽ làm phá vỡ “gia đình”, đi ngược lại một chức năng cơ bản của gia đình là duy trì nòi giống” (Trương Hồng Quang, 2014). Ngoài ra, các vấn đề khác liên quan, chẳng hạn như mang thai hộ, xác định lại giới tính ở một nhóm xã hội bị dị tật bẩm sinh, nâng cao thể chất và tâm vóc của con người Việt Nam cũng được đặt ra. Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII đã ban hành Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 về công tác dân số trong tình hình mới. Theo đó, một trong những quan điểm chỉ đạo của Đảng là tiếp tục chuyển trọng tâm từ chính sách kế hoạch hóa gia đình (hỗ trợ các gia đình kiểm soát số con và số lần sinh) sang dân số và phát triển; đảm bảo cân bằng hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi công dân (Ban chấp hành Trung ương khóa XII, 2017). Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, mục tiêu của Nghị quyết là “duy trì vững chắc mức sinh thay thế; đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số, góp phần phát triển đất nước nhanh, bền vững” (Ban chấp hành Trung ương khóa XII, 2017). Từ quan điểm chỉ đạo và mục tiêu, Nghị quyết đặt ra hàng loạt nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu cần triển khai như giải pháp tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp (đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong thực hiện chính sách về công tác dân số, nhất là sinh đủ 2 con, chú trọng nuôi dạy con tốt, gia đình hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội”. Về công tác tuyên truyền vận động, Đảng định hướng tuyên truyền mỗi cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, đảm bảo quyền và trách



nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đẩy mạnh truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi nhằm giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý để nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam; hoàn thiện cơ chế, chính sách pháp luật về dân số; phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số đặc biệt là phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ tầm soát, chẩn đoán sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh, hỗ trợ sinh sản, tư vấn kiểm tra sức khỏe sinh sản trước hôn nhân (Ban chấp hành Trung ương khóa XII, 2017).

#### 4. Kết luận và kiến nghị

Đảng và Nhà nước luôn xác định gia đình có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Đảng ta “khẳng định xây dựng gia đình là vấn đề lớn, hết sức hệ trọng của dân tộc và của cả thời đại” (Ban Bí thư, 2011). Chính vì vậy, các chính sách của Đảng và Nhà nước luôn hướng đến mục tiêu hỗ trợ gia đình để gia đình thực sự là tế bào lành mạnh của xã hội; các gia đình thực sự có đời sống no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Điều này thể hiện qua sự điều hành chính sách của Đảng và Nhà nước đối với chức năng sinh sản của gia đình. Chỉ xét trong giai đoạn 1986 đến nay, Đảng và Nhà nước đã ban hành mới hoặc điều chỉnh bổ sung nhiều văn bản chính sách liên quan trực tiếp đến chức năng sinh sản của gia đình. Sự điều chỉnh linh hoạt trong định hướng, điều hành của Đảng và Nhà nước đối với vấn đề sinh sản duy trì nòi giống của các gia đình cho thấy, sự quan tâm của Đảng và Nhà nước với gia đình không chỉ dừng lại ở những quan điểm chỉ đạo mà còn được cụ thể hóa bằng chính sách.

Giai đoạn 1986-1999 được tập trung nhằm kiểm soát số con trong gia đình để tạo tiền đề cho gia đình thực hiện tốt chức năng kinh tế; chức năng chăm sóc, giáo dục và chức năng thỏa mãn nhu cầu tâm lý tình cảm. Giai đoạn 2000 đến 2010, bên cạnh việc tiếp tục thực thi chính sách kiểm soát số con và số lần sinh của các gia đình thì những chính sách đã quan tâm đến như nâng cao chất lượng sinh sản, bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Giai đoạn 2011 đến nay có thể nói vấn đề sinh sản và duy trì nòi giống được bàn thảo trên các chiều cạnh xã hội, đặc biệt với sự hỗ trợ của khoa học và công nghệ đã đưa chức năng sinh sản của gia đình đứng trước thời cơ và thách thức lớn. Chúng ta cần rút ra những bài học kinh nghiệm từ những nước trong khu vực như Trung Quốc, Hàn Quốc hay Nhật Bản về định hướng và thực thi chính sách hỗ trợ gia đình thực hiện chức năng sinh sản để hạn chế những hậu quả không mong muốn trong tương lai. Theo đó, Trung Quốc trong một thời gian dài thực hiện chính sách dân số sinh một con đã dẫn đến mô hình gia đình 4-2-1 (4 ông/bà; 2 bố mẹ; 1 con). Việc sinh một con khiến đứa trẻ khi còn bé được đối xử chăm sóc như ông hoàng, nhưng sau khoảng 20-30 năm, thì một người con phải chịu áp lực chăm sóc ông bà/ bố mẹ. Bên cạnh đó, chính sách điều hành về chức năng

sinh sản còn có mối liên hệ trực tiếp đến tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh mà hậu quả ngày nay khiến hàng trăm triệu nam giới Trung Quốc không có khả năng lấy vợ. Tương lai của Việt Nam có thể sẽ giống như Trung Quốc khi có tới 55/63 tỉnh, thành (năm 2015) rơi vào tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Vì vậy, chúng ta cần phải có chính sách điều hành chức năng sinh sản của gia đình nhằm hạn chế tối đa những hậu quả nêu trên.

Với chính sách chuyển hướng từ mục tiêu dân số và kế hoạch hóa gia đình sang dân số phát triển là hướng đi kịp thời của Đảng và Nhà nước trong quản lý và điều hành chính sách nhằm hỗ trợ gia đình thực hiện chức năng sinh sản. Tuy nhiên, để thực hiện định hướng chính sách nói trên, Đảng và Nhà nước cần có những giải pháp đồng bộ không chỉ hỗ trợ gia đình mà còn phải quan tâm đến tổ chức, bộ máy giúp việc triển khai chính sách. Trong đó, xem xét mô hình quản lý nhà nước gắn lĩnh vực dân số, trẻ em, bình đẳng giới và gia đình thành một thể thống nhất để gia đình phát huy được đầy đủ chức năng đóng góp cho sự ổn định và phát triển của xã hội. ■

### Chú thích

<sup>(1)</sup> Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Bộ trọng điểm "Xu hướng biến đổi của đặc điểm gia đình Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế" (Mã số: KHXH-GĐ/16-19/01). Đề tài thuộc Chương trình "Nghiên cứu, đánh giá tổng thể về gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế" của Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

<sup>(2)</sup> Mục tiêu của Nghị quyết số 04-NQ/HNTW Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình đặt mục tiêu đề ra vào năm 2015 bình quân trong toàn xã hội mỗi gia đình (mỗi cặp vợ chồng) có hai con.

### Tài liệu trích dẫn

Ban Bí thư. 2011. Thông báo số 26-TB/TW ngày 9/5/2011 của Ban bí thư do đồng chí Trương Tấn Sang ký về việc sơ kết Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21/2/2005 của Ban Bí thư (khóa IX) về "Xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước". <http://www.dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/thong-bao/doc-092520152241456.html>.

Ban Chấp hành Trung ương. 2013. Quy định số 181-QĐ/TW ngày 30/3/2013 của Bộ Chính trị về xử lý kỷ luật đảng viên vi phạm. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/ho-so-su-kien/doc-392520152144156.html>.

Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII. 1993. Nghị quyết số 04-NQ/HNTW ngày 14 tháng 01 năm 1993 Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương Đảng khoá VII về chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình. <http://www.dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/ho-so-su-kien/doc-5925201510110246.html>.

Ban chấp hành Trung ương khóa XII. 2017. Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.



[www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/34553902-nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-xii-vc-cong-tac-dan-so-trong-tinh-hinh-moi.html](http://www.nhandan.com.vn/chinhtri/item/34553902-nghi-quyet-hoi-nghi-lan-thu-sau-ban-chap-hanh-trung-uong-khoa-xii-vc-cong-tac-dan-so-trong-tinh-hinh-moi.html).

- Ban chấp hành Trung ương VI. 1986. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-vi/doc-392420153571056.html>.
- Bộ Chính trị. 2005. Nghị quyết số 47-NQ/TW về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Tổng cục Dân số (Bảo điện tử gia đình và xã hội). Hà Nội.
- Bộ Xây dựng. 1989. Thông tư số 39-BXD/XDCB/ĐT ngày 28 tháng 02 năm 1989 hướng dẫn thi hành Quyết định số 162-HĐBT ngày 18 tháng 10 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. Bộ Tư pháp, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1986. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI Đảng Cộng sản Việt Nam. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, Hà Nội.
- Đảng Cộng sản Việt Nam. 1996. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 1996-2000. <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/van-kien-dang/van-kien-dai-hoi/khoa-viii/doc-422220173271856.html>.
- Hội đồng Bộ trưởng. 1988. Quyết định số 162/HĐBT ngày 18 tháng 10 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng về một số chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình. [http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=2398](http://moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=2398).
- Lan Anh. 2013. TP HCM: khuyến khích sinh đủ hai con. <https://tuoitre.vn/tphcm-khuyen-khich-sinh-du-hai-con-559704.html>.
- Minh Phong. 2017. Dự báo hàng triệu đàn ông không lấy được vợ. <http://giaoducthoidai.vn/thoi-su/du-bao-hang-trieu-dan-ong-khong-lay-duoc-vo-3906114.html>.
- Thế Nguyễn. 2017. Hội nghị Trung ương 6: Nâng cao chất lượng dân số, nắm bắt cơ hội “dân số vàng”. <https://vov.vn/xa-hoi/hoi-nghi-trung-uong-6-nang-cao-chat-luong-dan-so-nam-bat-co-hoi-dan-so-vang-680298.vov>.
- Thủ tướng Chính phủ. 2000. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược dân số Việt Nam giai đoạn 2001 đến 2010. [http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=5630](http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=5630).
- Trần Văn Toàn. 2015. Tư tưởng Hồ Chí Minh: Hạt nhân của xã hội là gia đình. <http://www.xaydungdang.org.vn/Home/tutuonghochiminh/2015/8533/Tu-tuong-Ho-Chi-Minh-Hat-nhan-cua-xa-hoi-la-gia.aspx>.
- Trương Hồng Quang. 2014. Một số quan điểm về kết hôn cùng giới tại Việt Nam hiện nay. <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=1692>.
- Ủy ban Dân số-Gia đình và Trẻ em. 2002. Văn bản chính sách về gia đình. Hà Nội.
- Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 11. 2003. Pháp lệnh dân số. [http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=21001](http://www.moj.gov.vn/vbpq/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=21001).